

Phụ lục 01:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chi tiêu 1 (triệu đồng) Tổng doanh thu				Chi tiêu 2							Chi tiêu 3				Chi tiêu 4: tình hình chấp hành chế độ chính sách	Chi tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích					Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	
		Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với Kế hoạch (%)	Kết quả xếp loại	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn Chủ sở hữu bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất Lợi nhuận trên vốn (%)			Kết quả xếp loại	Nợ quá hạn (triệu đồng)	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Kết quả xếp loại	Kết quả xếp loại	Kế hoạch (Ha)	Thực hiện (Ha)	Thực hiện so với Kế hoạch (%)		Kết quả xếp loại
						Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch (%)			TSNH (triệu đồng)	Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	TSNH/N NH (lần)							
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6	7	8	9	10	11=10/9	12	13	14	15	16=14/15	17	18	19=20+21	22=23+24	25=22/19	26	27
I	Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh																							
1	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Ngãi	406.852	415.676	102,2%	A	20.908	22.760	103.619	103.619	20,18%	21,97%	108,9%	A	0	139.799	51.000	2,74	A	A					A
2	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Kon Tum	334.900	358.914	107,2%	A	22.400	22.730	50.000	50.000	44,8%	45,46%	101,5%	A	0	120.852	78.155	1,55	A	A					A
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	29.007	29.261	100,9%	A	1.787	1.621	72.904	72.917	2,45%	2,22%	90,7%	B	0	21.850	20.612	1,06	A	A					B
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	4.200	4.927	117,3%	A	46	56	2.455	2.455	1,87%	2,30%	122,6%	A	0	3.052	2.110	1,45	A	A					A
5	Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	154.135	94.299	61,2%	C	6.700	2.790	91.670	93.238	7,31%	2,99%	40,9%	C	0	215.720	21.901	9,85	A	A					C
II	Doanh nghiệp hoạt động công ích																							
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plong	58.628,13	43.898,20	74,9%	C									0	10.389	11.122	0,93	B	A	49.244,88	49.311,72	100,1%	A	B
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	12.837,00	13.650,00	106,3%	A									0	7.809	1.712	4,56	A	A	20.665,96	20.680,27	100,1%	A	A
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	13.749,17	13.746,49	99,98%	B									0	10.052	5.047	1,99	A	A	21.686,76	20.192,58	93,1%	B	B
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	16.008,00	21.962,00	137,2%	A									0	9.188	2.887	3,18	A	B	35.419,56	34.687,93	97,93%	B	B
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei	20.392,47	19.988,00	98,0%	B									0	16.039	14.873	1,08	A	A	19.998,03	20.003,91	100,03%	A	A
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	28.730,00	29.393,29	102,3%	A									0	78.413	13.190	5,94	A	A	28.014,25	28.043,45	100,1%	A	A
7	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum	16.709,00	17.255,00	103,3%	A									0	2.158	1.535	1,41	A	A	17.177,00	17.584,81	102,4%	A	A
8	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Ngãi	70.347,00	81.051,00	115,2%	A									0	66.817	22.670	2,95	A	A	46.078,13	46.078,13	100,0%	A	A

Ghi chú: Riêng đối với chỉ tiêu (1) " Tổng doanh thu" của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei khi thực hiện đánh giá, xếp loại được loại trừ yếu tố khách quan theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 3, khoản 2, Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ

Phụ lục 02:

**CHI TIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC
NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. Doanh nghiệp hoạt động công ích trong lĩnh vực lâm nghiệp

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích (quản lý, bảo vệ rừng)							Kết quả xếp loại
		Kế hoạch			Thực hiện			Thực hiện so với Kế hoạch (%)	
		Tổng (Ha)	Nguồn Bảo vệ rừng tự nhiên tạm dừng khai thác (Ha)	Nguồn DVMTR (Ha)	Tổng (Ha)	Nguồn Bảo vệ rừng tự nhiên tạm dừng khai thác (Ha)	Nguồn DVMTR (Ha)		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plong	49.244,88	3.174,07	46.070,81	49.311,72	3.174,07	46.137,65	100,1%	A
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	20.665,96	10.875,92	9.790,04	20.680,27	10.875,92	9.804,35	100,1%	A
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	21.686,76	14.117,20	7.569,56	20.192,58	12.768,45	7.424,13	93,11%	B
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	35.419,56	17.976,82	17.442,74	34.687,93	17.816,33	16.871,60	97,93%	B
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei	19.998,03	0,00	19.998,03	20.003,91	0,00	20.003,91	100,03%	A

6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	28.014,25	0,00	28.014,25	28.043,45	0,00	28.043,45	100,10%	A
---	-------------------------------------	-----------	------	-----------	-----------	------	-----------	---------	---

II. Doanh nghiệp hoạt động công ích trong lĩnh vực khai thác công trình thủy lợi

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích là Diện tích tưới nước và cấp nước			Kết quả xếp loại
		Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	Thực hiện so với Kế hoạch (%)	
A	B	1	2	3=2/1	4
0	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum	17.177,00	17.584,81	102,37%	A
1	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Ngãi	46.078,13	46.078,13	100,00%	A